TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2017/DS - ST.
Ngày 20/9/2017.
V/v :"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC -TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

+ Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2016/TLST - DS ngày 02/3/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2017/QĐXXST - DS ngày 11/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2017/QĐST-DS ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Nguyễn U, sinh năm 1950. (Vắng mặt, ủy quyền cho bà Phạm Thị Minh C tham gia tố tụng);

Phạm Thị Minh C, sinh năm 1946 .(Có mặt);

Cùng địa chỉ thường trú: khu phố P, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1965. (Có mặt);

Bà Trương Thị Ng, sinh năm 1972. (Có mặt);

Cùng địa chỉ thường trú: ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, bà Phạm Thị Minh C và ông Nguyễn U có yêu cầu như sau:**

Vào ngày 07/4/2012, bà C và ông U cho ông T và bà Ng vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày, lãi suất là 5%/ tháng.

Vào ngày 24/4/2012, bà C và ông U cho ông T và bà Ng vay số tiền

10.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày, lãi suất là 5%/ tháng.

Khi bà C cho ông T và bà Ng vay tiền, ông T có viết giấy mượn tiền, giao cho bà C giữ.

Sau khi vay tiền, ông T và bà Ng đã trả lãi cho bà C được hai tháng là 1.500.000 đồng, chưa trả tiền gốc cho bà C và ông U.

Bà C và ông U (Nguyên đơn) yêu cầu ông T, bà Ng trả cho nguyên đơn nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 4 năm 2012 đến 20/6/2017 là 23.064.000 đồng.

*** Tại bản khai và các lời khai tại tòa án, ông Nguyễn Ngọc T và bà Trương Thị Ng có ý kiến như sau:**

Vào ngày 07/4/2012, bà C và ông U (Bên cho vay) cho ông T và bà Ng (Bên vay) vay số tiền 10.000.000 đồng, ông T và bà Ng có ký vào giấy mượn tiền do ông T viết, lãi suất ghi trong giấy mượn tiền là 5%/ tháng, nhưng thực tế thì bên vay trả cho bẹn cho vay là 8%/tháng .

Vào ngày 24/4/2012, bà C và ông U (Bên cho vay) cho ông T và bà Ng (Bên vay) vay số tiền 10.000.000 đồng, ông T và bà Ng có ký vào giấy mượn tiền do ông T viết, lãi suất ghi trong giấy mượn tiền là 5%/ tháng, nhưng thực tế thì bên vay trả cho bên cho vay là 8%/tháng.

Ông T và bà Ng trả lãi cho bà C từ tháng 4/2012 đến tháng 4/2014, mỗi tháng trả lãi là 1.600.000 đồng. Từ tháng 5/2014 thì bên vay ngưng trả lãi.

Ngày 4/10/2014, ông T và bà Ng trả cho bà C số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng.

Ông T và bà Ng không chấp nhận yêu cầu của bà C và ông U đòi ông T và bà Ng trả nợ gốc, ông T và bà Ng chỉ chấp nhận trả tiền lãi còn nợ trong 6 tháng cho bà C, ông U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục xét xử vụ án:

TAND huyện Xuyên Mộc đã triệu tập hợp lệ, bà C, ông T, bà Ng có mặt, ông U đã ủy quyền cho bà C. TAND huyện Xuyên Mộc xét xử vắng mặt ông U. Do vụ án này do nguyên đơn cung cấp chứng cứ, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án, xét thấy:

Vào ngày 07/4/2012, bà C và ông U (Bên cho vay) cho ông T và bà Ng (Bên vay) vay số tiền 10.000.000 đồng, ông T và bà Ng có ký vào giấy mượn tiền do ông T viết, lãi suất ghi trong giấy mượn tiền là 5%/ tháng.

Vào ngày 24/4/2012, bà C và ông U (Bên cho vay) cho ông T và bà Ng (Bên vay) vay số tiền 10.000.000 đồng, ông T và bà Ng có ký vào giấy mượn tiền do ông T viết, lãi suất ghi trong giấy mượn tiền là 5%/ tháng.

Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời khai của đương sự cho thấy không có cơ sở xác định bên vay trả gốc cho bên cho vay 20.000.000 đồng. Do đó yêu cầu của các nguyên đơn đòi các bị đơn trả lại số tiền gốc là 20.000.000 đồng là có cơ sở, nên được chấp nhận.

Về nợ lãi: Thực hiện hợp đồng vay tiền, ông T và bà Ng đã trả lãi cho bà C, nhưng các đương sự không làm văn bản giao nhận tiền, vì vậy không có cơ sở xác định số tiền bên vay trả lãi cho bên cho vay. Trong trường hợp này, nên chấp nhận lời thừa nhận của bà C là bên vay đã trả lãi cho bên cho vay số tiền lãi là 1.500.000 đồng, không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông T, bà Ng cho rằng bên vay đã trả lãi cho bên cho vay từ tháng 4 năm 2012 đến tháng 4/2014, mỗi tháng trả lãi là 1.600.000 đồng.

Xét yêu cầu của bên vay đòi nợ lãi 23.064.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bên cho vay (Ông U, bà C) cho rằng bên vay không trả lãi cho bên cho vay kể từ tháng 4 năm 2012, nhưng đến tháng 3/2017 bên cho vay mới khởi kiện. Trong trường hợp này, đã qua hai năm kể từ khi bên cho vay vi phạm hợp đồng, không còn thời hiệu để bên cho vay yêu cầu bên vay trả lãi. Do đó không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn U và bà Phạm Thị Minh C đòi ông Nguyễn Ngọc T và bà Trương Thị Ng trả lãi số tiền là 23.064.000 đồng.

* Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Trương Thị Ng phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm [20.000.000 đồng x 5%]; Ông Nguyễn U là người có công với cách mạng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bà Phạm Thị Minh C phải chịu 576.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm (23.064.000 đồng x 5%:2 = 576.600 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 342, 427, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 12, điều 26 nghị quyết về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn U và bà Phạm Thị Minh C;

Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Trương Thị Ng phải trả cho ông Nguyễn U và bà Phạm Thị Minh C số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn U và bà Phạm Thị Minh C đòi ông Nguyễn Ngọc T và bà Trương Thị Ng phải trả cho cho ông U và bà C số tiền lãi là: 23.064.000 đồng.

2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Ngọc T và bà Trương Thị Ng phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị Minh C phải chịu 576.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà C, ông U đã nộp là 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003223 ngày 02/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc; Bà C còn phải nộp 76.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**
-TAND Tỉnh BRVT;
- VKSND Tỉnh BRVT;
- VKSND H. Xuyên Mộc;
- Chi cục THA-DS H. Xuyên Mộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Nghĩa.